

Số: 694/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 01 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 96/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Xét Tờ trình số 02/TTr-TTHĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, kỳ họp thứ Hai mươi chín nhất trí thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT^L.

CHỦ TỊCH


Trần Quốc Văn

QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 694/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quan hệ công tác, quy trình, trách nhiệm giải quyết công việc của Hội đồng nhân dân (sau đây gọi tắt là **HĐND**), Thường trực **HĐND**, Ban của **HĐND**, Tổ đại biểu **HĐND**, đại biểu **HĐND** tỉnh; trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch **HĐND**, Phó Chủ tịch **HĐND**, Ủy viên Thường trực **HĐND**, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, Ủy viên Ban của **HĐND**, Tổ trưởng Tổ đại biểu **HĐND** tỉnh Hưng Yên theo quy định tại điểm 3 khoản 2 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sau đây gọi tắt là **Luật Tổ chức chính quyền địa phương**), Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. **HĐND**, Thường trực **HĐND**, các Ban của **HĐND**, các Tổ đại biểu **HĐND**, các vị đại biểu **HĐND** tỉnh Hưng Yên khóa XVII, nhiệm kỳ 2021-2026; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và **HĐND** tỉnh.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. **HĐND**, Thường trực **HĐND**, các Ban của **HĐND** tỉnh làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số. Hiệu quả hoạt động của **HĐND** tỉnh được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp **HĐND**, hoạt động của Thường trực **HĐND**, các Ban của **HĐND**, các Tổ đại biểu, các đại biểu **HĐND** tỉnh và hiệu quả của sự phối hợp hoạt động với Ủy ban nhân dân (**UBND**) tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (**UBMTTQVN**) tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác.

3. Thường trực HĐND tỉnh là cơ quan thường trực của HĐND tỉnh, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các nhiệm vụ được HĐND tỉnh giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và HĐND tỉnh.

4. Ban của HĐND tỉnh là cơ quan của HĐND tỉnh, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Quy chế này; báo cáo công tác trước HĐND, Thường trực HĐND tỉnh; ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của HĐND tỉnh để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

a) Ban Pháp chế của HĐND tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực thi hành Hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính ở địa phương.

b) Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo, dân tộc ở địa phương.

c) Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, xây dựng, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

5. Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật khác có liên quan; được bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

Chương II

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 4. Chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. HĐND tỉnh họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ. HĐND tỉnh quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh

2. HĐND tỉnh họp kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp không thường lệ để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

3. HĐND tỉnh xem xét, thông qua Chương trình kỳ họp theo trình tự sau đây:

a) Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh dự kiến chương trình kỳ họp. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa HĐND tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân

khóa trước dự kiến chương trình kỳ họp trình HĐND tỉnh khóa mới xem xét, quyết định.

b) Đại biểu HĐND tỉnh thảo luận, cho ý kiến về dự kiến nội dung chương trình kỳ họp.

c) Chủ tọa kết luận.

d) HĐND tỉnh biểu quyết thông qua chương trình kỳ họp.

Điều 5. Phiên khai mạc, phiên bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Phiên khai mạc được tổ chức vào phiên họp đầu tiên của kỳ họp HĐND tỉnh. Trước phiên khai mạc, HĐND tỉnh tổ chức họp phiên trừ bị (nếu có) để xem xét, thông qua chương trình kỳ họp và một số nội dung khác theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

Phiên khai mạc HĐND tỉnh thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu; phát biểu khai mạc, phát biểu chỉ đạo của cấp trên (nếu có) và một số nội dung khác theo Chương trình kỳ họp đã được thông qua.

2. Phiên bế mạc được tổ chức sau khi HĐND tỉnh hoàn thành toàn bộ nội dung theo chương trình kỳ họp đã được thông qua và thực hiện một số nội dung chính theo trình tự sau: Chủ tọa kỳ họp phát biểu bế mạc, Chào cờ.

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chủ tọa điều hành phiên họp tại kỳ họp HĐND tỉnh gồm: Chủ tịch HĐND tỉnh; Phó Chủ tịch HĐND tỉnh theo sự phân công của Chủ tịch; Triệu tập viên tại kỳ họp thứ nhất.

2. Chủ tọa các phiên họp có trách nhiệm điều hành theo trình tự quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp

1. Chấp hành các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các luật có liên quan và Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Tập trung nghiên cứu, tham gia thảo luận, góp ý kiến vào các nội dung tại kỳ họp HĐND tỉnh và thực hiện quyền chất vấn; biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

3. Trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp HĐND tỉnh thì phải có lý do, báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc Chủ tọa kỳ họp.

4. Đeo phù hiệu khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với tư cách đại biểu HĐND tỉnh.

5. Trả lời phỏng vấn và cung cấp thông tin về kỳ họp HĐND tỉnh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trừ thông tin, tài liệu theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

6. Sử dụng, bảo quản tài liệu kỳ họp (bao gồm cả tài liệu mật), nội dung phiên họp kín theo quy định.

Điều 8. Thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực HĐND tỉnh quyết định thành lập Tổ thảo luận gồm Tổ trưởng, Tổ phó và ủy viên là đại biểu HĐND tỉnh để thảo luận về chương trình, nội dung trình tại kỳ họp.

2. Tổ trưởng Tổ thảo luận có trách nhiệm tổ chức để đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình kỳ họp HĐND tỉnh và các quy định khác về kỳ họp; tổ chức và điều hành hoạt động của Tổ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp hoặc Thường trực HĐND tỉnh; giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

3. Tổ phó Tổ thảo luận của Tổ đại biểu HĐND tỉnh giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Tổ trưởng. Khi Tổ trưởng vắng mặt thì Tổ phó thực hiện nhiệm vụ do Tổ trưởng phân công.

Điều 9. Thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổ chức thực hiện công tác thư ký kỳ họp theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp và Thường trực HĐND tỉnh, gồm các nội dung sau đây:

1. Lập danh sách đại biểu HĐND tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp Tổ thảo luận tại kỳ họp.

4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 10. Tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp của HĐND tỉnh do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trình ký, trường hợp khuyết người đứng đầu thì sẽ do cấp phó ký và được gửi đến Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh để gửi đến đại biểu HĐND tỉnh theo thời hạn quy định. Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (trừ trường hợp thuộc bí mật nhà nước).

2. Thường trực HĐND tỉnh có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp HĐND tỉnh khi đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

3. Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định chế độ quản lý và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên và Hệ thống quản lý điều hành các hoạt động của HĐND trên nền tảng số đối với các loại văn bản và tài liệu khác phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh.

4. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên và Hệ thống quản lý điều hành các hoạt động của HĐND theo quyết định Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 11. Các hình thức làm việc tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các phiên họp tại kỳ họp HĐND tỉnh bao gồm:

a) Phiên họp toàn thể của HĐND tỉnh.

b) Phiên họp thảo luận của Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh về nội dung thuộc chương trình kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh mời Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh có liên quan trao đổi về những vấn đề cần lưu ý trước khi trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Các phiên họp tại kỳ họp HĐND tỉnh được tiến hành công khai, trừ trường hợp họp kín thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trình tự, thủ tục Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua các nội dung theo thẩm quyền tại kỳ họp

1. Đại diện cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình HĐND tỉnh về Tờ trình, dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo... theo quy định hoặc theo yêu cầu của Chủ tọa kỳ họp.

2. Đại diện các Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo... trình bày báo cáo thẩm tra.

3. HĐND tỉnh xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể hoặc tổ chức thảo luận tại Tổ theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp.

4. Trong quá trình xem xét thảo luận tại phiên họp toàn thể, Chủ tọa nêu các vấn đề còn có ý khác nhau để HĐND tỉnh xem xét, quyết định. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tọa kỳ họp yêu cầu các cơ quan có liên quan báo cáo giải trình về những vấn đề đại biểu HĐND tỉnh quan tâm.

5. Tổ trưởng, Tổ phó tổ thảo luận điều hành thảo luận Tổ; báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại tổ với Chủ tọa kỳ họp để tổng hợp chung trước khi trình HĐND tỉnh tại phiên họp toàn thể.

6. Mẫu báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh thảo luận do Thường trực HĐND tỉnh quy định.

7. Cơ quan chủ trì xây dựng nội dung có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm tra, Thư ký kỳ họp để xây dựng báo cáo, tiếp thu về những nội dung liên quan được thảo luận tại phiên họp toàn thể, phiên họp tổ.

8. HĐND tỉnh biểu quyết thông qua Nghị quyết theo trình tự sau:

a) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được Chủ tọa kỳ họp phân công trình bày báo cáo giải trình, tiếp thu (nếu có); dự thảo Nghị quyết.

b) HĐND tỉnh thảo luận nội dung Dự thảo Nghị quyết; Chủ tọa kỳ họp xin ý kiến đại biểu về những nội dung còn có ý kiến khác nhau (nếu có) trước khi nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua.

c) Đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết bằng các hình thức giơ tay hoặc biểu quyết điện tử hoặc bỏ phiếu kín. Đối với trường hợp bỏ phiếu kín, Chủ tọa kỳ họp báo cáo kết quả biểu quyết.

9. Nội dung Kỳ họp, các phiên họp toàn thể, phiên họp Tổ của HĐND tỉnh phải được lập thành biên bản và ký xác thực theo quy định.

Điều 13. Trình tự chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp

1. Trình tự chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. HĐND tỉnh quy định cụ thể về thời gian nêu chất vấn, thời gian trả lời chất vấn, việc điều hành của chủ tọa và quyền tranh luận của đại biểu trong Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc ban hành nghị quyết về chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh (nếu cần thiết).

Điều 14. Trình tự xem xét, quyết định về công tác nhân sự thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân

1. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND tỉnh bầu các chức danh của HĐND tỉnh như sau:

a) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến trình HĐND tỉnh bầu Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng Ban HĐND tỉnh trong số các đại biểu HĐND tỉnh và gửi kèm theo Hồ sơ nhân sự gồm có: Tờ trình; Dự thảo nghị quyết; Báo cáo thẩm tra (nếu có); Hồ sơ và các tài liệu khác về người được giới thiệu vào các chức danh thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (kể cả đối với người tự ứng cử hoặc được đại biểu HĐND tỉnh đề cử ngoài danh sách do Chủ tọa kỳ họp giới thiệu).

b) Đại biểu HĐND tỉnh thảo luận;

c) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa kỳ họp phân công (đối với bầu các chức danh của HĐND tỉnh), người có thẩm quyền (đối với bầu các chức danh của UBND), UBMTTQVN tỉnh (đối với bầu Hội thẩm tòa án nhân dân tỉnh) báo cáo HĐND tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu HĐND tỉnh (nếu có);

d) Hội đồng nhân dân tỉnh biểu quyết thông qua danh sách đề bầu Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng ban của HĐND tỉnh;

đ) HĐND tỉnh bầu Ban Kiểm phiếu theo sự giới thiệu của Chủ tọa kỳ họp để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại kỳ họp của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

e) HĐND tỉnh bầu Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng ban của HĐND tỉnh bằng hình thức bỏ phiếu kín;

g) Ban Kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu;

h) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa kỳ họp phân công trình HĐND tỉnh dự thảo nghị quyết xác nhận kết quả bầu chức danh;

i) HĐND tỉnh thảo luận về dự thảo nghị quyết;

k) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa phân công báo cáo HĐND tỉnh về việc giải trình, tiếp thu ý kiến đại biểu HĐND tỉnh về dự thảo nghị quyết (nếu có);

l) HĐND tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết.

2. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND tỉnh bầu các chức danh của UBND tỉnh:

a) Người có thẩm quyền giới thiệu danh sách nhân sự dự kiến trình HĐND tỉnh bầu Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Ủy viên UBND tỉnh và gửi kèm theo Hồ sơ nhân sự như quy định tại khoản 1 điều này.

b) Trình tự, thủ tục và Hồ sơ nhân sự trình HĐND tỉnh bầu các chức danh của UBND tỉnh thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND tỉnh bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh:

a) UBNDTTQVN tỉnh trình danh sách đề HĐND tỉnh bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh;

b) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND tỉnh bầu Hội thẩm tòa án nhân dân tỉnh thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu

a) Cơ quan, người có thẩm quyền trình HĐND tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu.

b) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND tỉnh miễn nhiệm, bãi nhiệm người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình HĐND tỉnh cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh

a) Căn cứ đơn xin thôi làm nhiệm vụ của đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh.

b) Trình tự, thủ tục và hồ sơ nhân sự trình Hội đồng nhân dân cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Trình tự, thủ tục và hồ sơ trình HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân về việc bắt, giam, giữ, khởi tố và khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu HĐND tỉnh

a) Theo đề nghị bằng văn bản của Viện kiểm sát nhân dân thụ lý vụ án, HĐND tỉnh (trong kỳ họp), Thường trực HĐND tỉnh (trong khoảng thời gian giữa hai kỳ họp) xem xét, quyết định thời gian họp HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh để xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thụ lý vụ án.

b) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thụ lý vụ án trình bày văn bản đề nghị Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND tỉnh xem xét về việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu HĐND tỉnh.

c) Chủ tọa kỳ họp hoặc người được chủ tọa kỳ họp phân công (trong kỳ họp), đại diện Thường trực HĐND tỉnh (trong thời gian giữa hai kỳ họp) trình bày dự thảo Nghị quyết về việc đồng ý hay không đồng ý bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu HĐND tỉnh.

d) Trình tự, thủ tục trình HĐND tỉnh xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân về việc bắt, giam, giữ, khởi tố và khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu HĐND tỉnh theo khoản 1 Điều này; trình tự, thủ tục trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân về việc bắt, giam, giữ, khởi tố và khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu HĐND tỉnh theo khoản 4 Điều 22 và Điều 24 của Quy chế này.

Điều 15. Thông tin về kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Khi cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức họp báo về chương trình, nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân để cung cấp thông tin về các nội dung của kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh dân công khai nghị quyết của HĐND tỉnh trên Cổng Thông tin điện tử Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên, trừ trường hợp luật quy định khác.

3. Các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh được truyền hình trực tiếp theo Chương trình kỳ họp đã được HĐND tỉnh biểu quyết thông qua trên cơ sở đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

4. Cơ quan báo chí có thể được mời tham dự và đưa tin theo quyết định của Thường trực HĐND tỉnh.

Mục 2 HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 16. Hoạt động giám sát và chương trình, trình tự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. HĐND tỉnh thực hiện quyền giám sát theo quy định tại Điều 5 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điểm a Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Hoạt động giám sát của HĐND tỉnh thực hiện theo quy định từ Điều 57 đến Điều 65 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát của HĐND tỉnh theo trình tự quy định tại Điều 58 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Trình tự tiến hành các hoạt động giám sát của HĐND tỉnh được thực hiện theo quy định từ Điều 57 đến Điều 65 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc đảm bảo hoạt động giám sát

1. HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm bảo đảm hoạt động giám sát tại các Điều 88, 89, 90 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát của HĐND tỉnh đúng quy định pháp luật. Khi cần thiết, chỉ đạo việc mời tổ chức, cá nhân, chuyên gia tham gia hoạt động giám sát.

Chương III THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1 TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 18. Nguyên tắc hoạt động, chế độ, hình thức làm việc

1. Thường trực HĐND tỉnh bao gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Thường trực là các Trưởng ban của HĐND tỉnh.

Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, các Ủy viên HĐND tỉnh chịu trách nhiệm cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm tập thể trước Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy và HĐND tỉnh.

2. Hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; chấp hành nghiêm túc các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan Trung ương; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm phát huy hiệu quả vai trò lãnh đạo của tập thể.

3. Thường trực HĐND tỉnh làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Thường trực HĐND tỉnh tổ chức các phiên họp thường kỳ, đột xuất nhưng phải bảo đảm có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực HĐND tỉnh tham dự. Thường trực HĐND tỉnh thảo luận, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và những nhiệm vụ được HĐND tỉnh giao.

Các quyết định phải được quá nửa số thành viên Thường trực HĐND tỉnh nhất trí thông qua. Hình thức biểu quyết giơ tay, bỏ phiếu hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản theo quy định pháp luật. Trường hợp kết quả biểu quyết đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì Thường trực HĐND tỉnh quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch.

4. Thường trực HĐND tỉnh phân công nhiệm vụ, điều hòa hoạt động của các thành viên đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Các thành viên Thường trực HĐND tỉnh phải nghiêm túc thực hiện sự phân công; giải quyết công việc đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ; phát huy đoàn kết nội bộ; giữ gìn bí mật theo quy định nhà nước, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo, kết luận của tập thể Thường trực HĐND tỉnh, không ngừng tự hoàn thiện bản thân để góp phần xây dựng tập thể Thường trực HĐND tỉnh thống nhất, đoàn kết, vững mạnh và hiệu quả.

5. Phó Chủ tịch HĐND tỉnh được phân công chịu trách nhiệm về các lĩnh vực được phân công phụ trách. Trường hợp công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực thì một Phó Chủ tịch được Chủ tịch phân công chủ trì, phối hợp chỉ đạo giải quyết. Nếu giữa các Phó Chủ tịch có ý kiến khác nhau thì Phó Chủ tịch chủ trì vẫn giải quyết công việc và báo cáo Chủ tịch xin ý kiến trước khi quyết định.

6. Các Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh được phân công thực hiện công việc nào thì người đó chịu trách nhiệm chính về công việc đã được phân công. Trường hợp công việc liên quan đến nhiều lĩnh vực do nhiều Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh phụ trách thì Ủy viên được phân công chủ trì phải chủ động phối hợp và chịu trách nhiệm chính. Nếu giữa các Ủy viên vẫn có ý kiến khác nhau thì Ủy viên chủ trì báo cáo Phó Chủ tịch phụ trách để chỉ đạo thực hiện.

Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh trước khi nghỉ hưu, chuyển công tác, đi công tác, học tập dài hạn phải bàn giao công việc theo quy định chung; bảo đảm hiệu quả công tác phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

7. Trách nhiệm giải quyết công việc của Thường trực HĐND tỉnh

a) Đối với những công việc chuẩn bị cho các kỳ họp HĐND tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật, trừ những trường hợp pháp luật quy định khác.

b) Đối với những công việc liên quan chuẩn bị cho các phiên họp thường kỳ của Thường trực HĐND tỉnh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh phải được thực hiện xong trước ngày tổ chức phiên họp. Cơ quan, người được giao thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực.

c) Trường hợp Thường trực HĐND tỉnh không tổ chức được phiên họp, Chủ tịch quyết định lấy ý kiến biểu quyết của thành viên Thường trực HĐND tỉnh bằng văn bản theo đề xuất của Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực. Các Ban của HĐND tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chuẩn bị tài liệu gửi các thành viên Thường trực HĐND tỉnh để xin biểu quyết bằng văn bản. Kết quả biểu quyết bằng văn bản có giá trị như kết quả biểu quyết tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh.

d) Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm ghi biên bản diễn biến phiên họp hoặc tổng hợp các phiếu biểu quyết, lưu giữ; phối hợp cơ quan được giao chủ trì hoàn thiện các Thông báo kết luận hoặc Nghị quyết để trình ký.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật liên quan.

2. Chịu trách nhiệm cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm tập thể trước Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh.

3. Chủ tọa các phiên họp của HĐND tỉnh, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh, các quy định về kỳ họp HĐND tỉnh.

4. Ký chứng thực các Nghị quyết của HĐND tỉnh, biên bản kỳ họp HĐND tỉnh; thay mặt Thường trực HĐND tỉnh ký các Nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh, kết luận của phiên họp và các văn bản có tính chất quan trọng của Thường trực HĐND tỉnh và các văn bản khác theo thẩm quyền.

5. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 31 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật khác có liên quan; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh.

6. Thay mặt Thường trực HĐND tỉnh giữ mối liên hệ với UBND tỉnh, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân.

7. Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng ban, Phó Trưởng Ban HĐND tỉnh, Chủ tịch HĐND cấp xã trong các trường hợp theo quy định của cấp có thẩm quyền.

8. Trực tiếp hoặc phân công nhiệm vụ cho các Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Trường hợp vắng mặt hoặc do yêu cầu của nhiệm vụ, Chủ tịch phân công một Phó Chủ tịch thay mặt Chủ tịch lãnh đạo hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh, đồng thời xử lý công việc mà Chủ tịch phụ trách; ủy quyền, ủy nhiệm cho Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh ký các thông báo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nhiệm vụ, quyền hạn chung

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND tỉnh được quy định tại Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật liên quan.

b) Giúp Chủ tịch HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch HĐND tỉnh và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh; tham gia các phiên họp Thường trực HĐND tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh.

c) Theo dõi hoạt động của các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và tổ chức hoạt động của chính quyền cấp cơ sở theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh và Chủ tịch HĐND tỉnh.

d) Chỉ đạo, đôn đốc hoạt động giám sát việc thực hiện tuân theo Hiến pháp và pháp luật, việc thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh và thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Thường trực HĐND tỉnh phân công.

đ) Thay mặt Thường trực HĐND tỉnh ký các văn bản, báo cáo của Thường trực HĐND tỉnh theo lĩnh vực được phân công phụ trách và ký các văn bản khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐND tỉnh.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể

a) Phó Chủ tịch Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo hoạt động của Ban Kinh tế - Ngân sách và chỉ đạo tổng hợp nhóm vấn đề chất vấn tại các phiên họp của Hội đồng nhân dân tỉnh; phụ trách giám sát hoạt động của các sở, ngành khối kinh tế tổng hợp. Đôn đốc, chỉ đạo giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh trên các lĩnh vực: kinh tế, ngân sách, đô thị, giao thông, xây dựng, khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh. Trực tiếp chỉ

đạo tổ chức thực hiện chương trình giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

b) Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực pháp chế chỉ đạo hoạt động của Ban Pháp chế; phụ trách giám sát hoạt động của các sở, ngành khối khối nội chính; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân. Đôn đốc, chỉ đạo giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh trên các lĩnh vực: thi hành hiến pháp và pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương, quản lý địa giới hành chính. Trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của HĐND tỉnh, của Thường trực HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách và công tác thông tin, dân nguyện của HĐND tỉnh.

c) Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực văn hóa-xã hội chỉ đạo hoạt động của Ban Văn hóa - Xã hội; phụ trách giám sát hoạt động của các sở, ngành khối văn hóa - xã hội. Đôn đốc, chỉ đạo giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên các lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thông tin, thể dục, thể thao, du lịch và tôn giáo. Trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của HĐND tỉnh, của Thường trực HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

d) Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phụ trách công tác văn phòng trực tiếp chỉ đạo hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, chịu trách nhiệm về các nội dung tham mưu trình kỳ họp; đảm bảo điều kiện phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh theo quy định.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND tỉnh; đồng thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn với vai trò là Trưởng Ban của HĐND tỉnh được quy định tại Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật liên quan.

2. Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh về nhiệm vụ được phân công.

3. Tổ chức thực hiện các nội dung công việc theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh; khi cần thiết, kịp thời báo cáo, xin ý kiến Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phụ trách về nội dung liên quan đến công việc được giao.

4. Trường hợp được Thường trực HĐND tỉnh phân công hoặc Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh ủy quyền, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh chủ trì cuộc họp, cuộc làm việc với lãnh đạo Sở, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân và báo cáo kết quả với Thường trực HĐND, Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực.

5. Tham gia các phiên họp Thường trực HĐND tỉnh, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh.

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Quy chế này và phân công của Thường trực HĐND, Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 22. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh quyết định về thời gian, chương trình, nội dung, hình thức họp (công khai, họp kín...), thành phần họp phiên thường kỳ hoặc họp đột xuất (theo đề nghị của Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc các thành viên của Thường trực HĐND tỉnh); phân công các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra nội dung trình kỳ họp, phiên họp Thường trực HĐND tỉnh; phân công Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu, phục vụ.

2. Trường hợp cần thiết, căn cứ tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của thành viên Thường trực HĐND tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình phiên họp.

3. Công tác chuẩn bị nội dung phiên họp

a) Căn cứ vào Chương trình phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chuẩn bị nội dung trình phiên họp theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh, bảo đảm chất lượng và thời gian theo quy định. Các văn bản, tài liệu phục vụ phiên họp được gửi đến Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh để báo cáo Thường trực HĐND tỉnh nghiên cứu trước khi tổ chức phiên họp ít nhất 02 ngày.

b) Đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp HĐND tỉnh phải được gửi đến Thường trực HĐND tỉnh và Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra theo quy định.

4. Trình tự, phương thức tiến hành phiên họp

a) Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

b) Chủ tọa phiên họp HĐND tỉnh (*Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch phân công*) xác định tính hợp lệ, thành phần, nội dung tài liệu trình Thường trực HĐND tỉnh trước khi Thường trực HĐND tỉnh tiến hành xem xét, cho ý kiến vào nội dung phiên họp.

c) Chủ tọa phiên họp gợi ý những nội dung tập trung thảo luận; điều hành phiên họp.

d) Thủ trưởng các cơ quan, Trưởng các Ban của HĐND tỉnh được giao chủ trì tham mưu nội dung trình phiên họp Thường trực HĐND tỉnh (hoặc người được ủy quyền) trình bày Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án... để Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến.

đ) Thường trực HĐND tỉnh thảo luận.

e) Đại biểu tham dự phiên họp được mời phát biểu ý kiến.

g) Trưởng các Ban của HĐND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan được giao tham mưu chủ trì nội dung trình phiên họp (hoặc người được ủy quyền) phát biểu ý kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến của Thường trực về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

h) Chủ tọa xin ý kiến về những nội dung còn có ý kiến khác nhau trước khi Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết. Thường trực HĐND tỉnh biểu quyết từng nội dung (*nội dung các ý kiến khác nhau, thông qua toàn bộ các nội dung*) trình tại phiên họp bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Trường hợp bỏ phiếu kín thì Thường trực HĐND tỉnh cử Ban Kiểm phiếu để thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu (*Mẫu phiếu, Biên bản kiểm phiếu do Thường trực HĐND tỉnh quy định*); Chủ tọa kết luận, ký biên bản.

Trường hợp nội dung trình Thường trực HĐND tỉnh chưa được xem xét, thông qua, Chủ tọa phiên họp kết luận (*bao gồm một số nội dung chính như: phân công trách nhiệm, tiến độ, lộ trình, nội dung, thời gian trình Thường trực HĐND tỉnh...*).

5. Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định phương thức đưa tin (*truyền hình, phát thanh trực tiếp; báo chí đưa tin và các hình thức tuyên truyền phù hợp với điều kiện của địa phương*); mời các cơ quan thông tấn báo chí tham dự đưa tin.

Điều 23. Văn bản kết luận phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm ghi biên bản, kết luận các phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Căn cứ vào kết luận của Chủ tọa phiên họp, xét tính chất, công việc (nếu cần thiết), Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban của HĐND tỉnh được phân công chủ trì thẩm tra dự thảo văn bản kết luận của Thường trực HĐND tỉnh về từng nội dung trình Chủ tọa phiên họp xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Thường trực HĐND tỉnh ban hành văn bản Thông báo kết luận gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 24. Trình tự, thủ tục Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến bằng văn bản

1. Trường hợp không tổ chức được phiên họp hoặc tùy vào tính chất, nội dung trình Thường trực HĐND tỉnh (*như công tác nhân sự thuộc thẩm quyền: xem xét, phê chuẩn nhân sự Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã; các văn bản tham gia góp ý của Thường trực HĐND...*), Chủ tịch HĐND tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng Ban của HĐND tỉnh, cơ quan chủ trì nội dung quyết định việc lấy ý kiến thành viên Thường trực HĐND tỉnh bằng hình thức văn bản.

2. Hồ sơ, tài liệu trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến, quyết

định bằng văn bản tương tự như Hồ sơ trình phiên họp Thường trực HĐND tỉnh và được gửi đến Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh báo cáo Chủ tịch HĐND tỉnh để xem xét tính hợp lệ, đầy đủ của Hồ sơ trước khi gửi đến thành viên Thường trực HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến bằng văn bản, kèm theo phiếu biểu quyết (nếu có).

3. Thành viên Thường trực HĐND tỉnh nghiên cứu, cho ý kiến bằng văn bản, thể hiện chứng kiến của mình vào phiếu biểu quyết (nếu có) gửi lại Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh để tổng hợp, dự thảo kết luận của Thường trực HĐND tỉnh (nếu có), báo cáo Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phụ trách trước khi trình Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định. Ý kiến hoặc kết luận của Thường trực HĐND tỉnh được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện.

Thời hạn xin ý kiến bằng văn bản do Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực quyết định.

Điều 25. Hoạt động giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; quyết định chương trình giám sát hàng năm theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Xem xét quyết định của UBND tỉnh có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, Nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Tiến hành chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh

a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu thành viên của UBND tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh giải trình và yêu cầu cá nhân có liên quan tham gia giải trình về những vấn đề mà Thường trực HĐND tỉnh quan tâm.

b) Trình tự phiên giải trình thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Kết thúc phiên giải trình, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thông qua kết luận về vấn đề được giải trình. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND tỉnh.

5. Giám sát chuyên đề

a) Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

Việc thành lập Đoàn giám sát, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát,

việc báo cáo và xem xét báo cáo của Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 70 và 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Sau khi xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND tỉnh kết luận về nội dung giám sát. Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện.

c) Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

6. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo: thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

7. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

a) Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

b) UBND tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của HĐND tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

c) Trình tự xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

d) Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo việc xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo Nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

Điều 26. Tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân ở địa bàn đại biểu ứng cử; chỉ đạo công khai lịch tiếp công dân của đại biểu HĐND tỉnh.

2. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng và công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch HĐND tỉnh. Chủ tịch HĐND tỉnh trực tiếp hoặc có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐND tỉnh tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND tỉnh phải bố trí thời gian 01 ngày để tiếp công dân.

3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh căn cứ tình hình giải quyết kiến nghị cử tri, các vụ việc bức xúc, việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, tham mưu để Chủ tịch HĐND tỉnh lựa chọn nội dung, thời gian, thành phần tham dự tiếp công dân.

4. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thông báo kết luận tiếp công dân của Chủ tịch HĐND

tỉnh hoặc Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và gửi UBND tỉnh và các cơ quan liên quan để giải quyết (nếu cần thiết).

5. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi và đôn đốc thực hiện kết luận tiếp công dân của Chủ tịch HĐND tỉnh và tổng hợp kết quả tiếp công dân của đại biểu HĐND tỉnh; định kỳ báo cáo Thường trực HĐND tỉnh để giám sát việc thực hiện.

Chương IV

CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 27. Nguyên tắc hoạt động, chế độ, hình thức làm việc

1. Hoạt động của Ban của HĐND tỉnh được thực hiện thông qua phiên họp toàn thể, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra, giải trình và các hoạt động khác theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Các Ban của HĐND tỉnh hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số; các kết luận quan trọng của Ban được thông qua khi có quá nửa số thành viên Ban đồng ý.

2. Ban của HĐND tỉnh tổ chức phiên họp toàn thể định kỳ 6 tháng một lần trước các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh để đánh giá việc thực hiện chương trình công tác và triển khai nhiệm vụ công tác của Ban. Ngoài phiên họp định kỳ, Ban tổ chức họp để thảo luận và giải quyết các công việc đột xuất phát sinh trong quá trình hoạt động để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Thời gian, nội dung, thành phần, hình thức họp do Trưởng ban quyết định. Trường hợp phát sinh những vấn đề đột xuất hoặc trường hợp bất khả kháng mà không tổ chức được phiên họp toàn thể để xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền thì Trưởng ban xem xét, quyết định việc lấy ý kiến thành viên của Ban bằng văn bản.

3. Các Ban của HĐND tỉnh giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định của luật và HĐND tỉnh giao; bảo đảm sự điều hòa hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND, Thường trực HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Các ủy viên chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Ban và Trưởng Ban về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban và Trưởng ban phân công.

5. Đề cao sự phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND tỉnh theo quy định của luật và các nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban được quy định của luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy định liên quan.

2. Phụ trách chung, điều hành công việc của Ban và chịu trách nhiệm trước HĐND, Thường trực HĐND tỉnh về hoạt động của Ban.

3. Chịu trách nhiệm chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban để đảm bảo hoạt động của Ban được thường xuyên, hiệu quả, đúng quy định của luật.

Điều 29. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND tỉnh theo quy định của luật, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản quy định liên quan.

2. Phó Trưởng Ban được Trưởng ban phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể Ban và Trưởng ban; đồng thời cùng các Ủy viên khác của Ban chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban trước HĐND, Thường trực HĐND tỉnh.

3. Trong lĩnh vực công tác được phân công, Phó Trưởng ban có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Giúp Trưởng ban xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban theo lĩnh vực được phân công.

b) Chủ trì các cuộc họp, các cuộc làm việc của Ban với các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực được phân công khi Trưởng ban đi vắng hoặc được ủy quyền theo quy định.

c) Ký các văn bản phối hợp công tác với các cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực được phân công và một số văn bản của Ban khi Trưởng Ban ủy quyền.

d) Chuẩn bị các dự thảo văn bản, tài liệu phục vụ các cuộc họp, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra của Ban theo lĩnh vực được phân công.

đ) Báo cáo và đề xuất với Trưởng ban xem xét, quyết định xử lý kịp thời công việc liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách đã phối hợp xử lý nhưng ý kiến chưa thống nhất.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND tỉnh theo quy định của luật và các văn bản có liên quan.

2. Được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung hoạt động, lĩnh vực của Ban phụ trách. Tham gia ý kiến và biểu quyết về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban.

3. Chủ động nghiên cứu các văn bản pháp luật, nắm bắt thực tế, đề xuất các nội dung liên quan đến chương trình công tác, hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra của Ban.

4. Tham gia đầy đủ các cuộc họp, các hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra và các hoạt động khác của Ban. Tham gia thảo luận, chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh; phiên họp chất vấn, giải trình của Thường trực HĐND tỉnh theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh và Trưởng ban của HĐND tỉnh.

5. Tham gia các lớp tập huấn, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, trao đổi kỹ năng và kinh nghiệm hoạt động theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Trưởng ban của HĐND tỉnh nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn phục vụ công tác và kỹ năng của đại biểu HĐND tỉnh.

6. Thực hiện nhiệm vụ được phân công theo chương trình, kế hoạch công tác của Ban của HĐND tỉnh và Trưởng ban của HĐND tỉnh.

Điều 31. Phiên họp toàn thể Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trưởng Ban của HĐND tỉnh quyết định triệu tập phiên họp toàn thể để xem xét, thảo luận, quyết định các vấn đề sau đây:

a) Chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban của HĐND tỉnh và những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban của HĐND tỉnh.

b) Thẩm tra hoặc tham gia thẩm tra dự thảo nghị quyết, tờ trình, báo cáo, đề án trình HĐND tỉnh; thẩm tra hoặc tham gia thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, đề nghị khác trình Thường trực HĐND tỉnh. Ban của HĐND tỉnh có thể ủy quyền cho Lãnh đạo chuyên trách của Ban thực hiện việc thẩm tra.

c) Xem xét văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND tỉnh theo lĩnh vực được phân công.

d) Xem xét, thông qua báo cáo hoạt động của Ban của HĐND tỉnh để trình Thường trực HĐND tỉnh.

2. Căn cứ chương trình, kế hoạch, Trưởng ban của HĐND tỉnh quyết định tổ chức phiên họp toàn thể để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền.

3. Trưởng ban chủ trì hoặc ủy quyền Phó Trưởng ban điều hành phiên họp của Ban khi Trưởng Ban vắng mặt. Các nội dung được xem xét, cho ý kiến tại phiên họp được ghi vào biên bản.

Điều 32. Việc lấy ý kiến của thành viên Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Việc lấy ý kiến của thành viên Ban của HĐND tỉnh bằng văn bản được thực hiện trong trường hợp thành viên Ban không dự phiên họp toàn thể hoặc Ban không tổ chức được phiên họp toàn thể.

2. Lãnh đạo chuyên trách Ban của HĐND tỉnh có trách nhiệm dự thảo nội dung và gửi xin ý kiến các thành viên Ban.

3. Thành viên Ban có trách nhiệm nghiên cứu, gửi ý kiến tham gia bằng văn bản đúng thời hạn, nội dung yêu cầu đến Lãnh đạo Ban. Nội dung được quá nửa tổng số thành viên Ban tán thành thì được coi là quyết định của Ban. Trường hợp mà số thành viên đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì do Trưởng

Ban quyết định. Nếu vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau (không đạt quá nửa) thì Trưởng Ban báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau đến Thường trực HĐND tỉnh để xem xét, cho ý kiến theo thẩm quyền.

Điều 33. Nhiệm vụ của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Đề xuất dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp.
2. Chủ trì, phối hợp với các Ban của HĐND tỉnh xây dựng các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết do HĐND, Thường trực HĐND tỉnh phân công.
3. Đề xuất với HĐND, Thường trực HĐND tỉnh về các vấn đề được xem xét tại kỳ họp.
4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐND, Thường trực HĐND tỉnh phân công.

Điều 34. Trình tự hoạt động thẩm tra của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Ban thực hiện thẩm tra các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp HĐND tỉnh và các vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Thường trực HĐND tỉnh phân công.

2. Trình tự thực hiện thẩm tra như sau:

a) Căn cứ vào nội dung, phạm vi, thời gian thẩm tra và tình hình thực tế, lãnh đạo chuyên trách Ban của HĐND tỉnh nghiên cứu báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề thẩm tra; có thể tổ chức họp lấy ý kiến của các chuyên gia, những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan.

b) Ban của HĐND tỉnh tổ chức phiên họp toàn thể để thảo luận, thống nhất báo cáo thẩm tra. Trường hợp không tổ chức được phiên họp toàn thể thì thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 27 Quy chế này.

c) Sau khi kết thúc thẩm tra, Trưởng ban ký ban hành báo cáo kết quả với Thường trực HĐND, HĐND tỉnh theo quy định.

Điều 35. Nhiệm vụ của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Ban của HĐND tỉnh thường xuyên theo dõi việc ban hành các quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND cấp xã liên quan đến lĩnh vực Ban phụ trách.

2. Trường hợp phát hiện quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND cấp xã có dấu hiệu vi phạm các quy định của Hiến pháp, luật, nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh thì Ban HĐND tỉnh có quyền yêu cầu hoặc đề nghị Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

Điều 36. Hoạt động giám sát, khảo sát của Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Căn cứ Chương trình giám sát của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh, kế hoạch công tác hàng năm của Ban và theo phân công của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh, thông qua việc theo dõi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; những vấn đề được dư luận, cử tri, Nhân dân quan tâm thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; Ban của HĐND tỉnh xây dựng chương trình giám sát của Ban. Chương trình, nội dung, kế hoạch giám sát chuyên đề hàng năm của Ban được tích hợp trong kế hoạch hoạt động hằng năm của Ban.

2. Đoàn giám sát của Ban của HĐND tỉnh thực hiện giám sát đảm bảo đúng các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thực hiện các chương trình, nội dung giám sát đúng theo kế hoạch.

3. Căn cứ chương trình, kế hoạch công tác, sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh và yêu cầu nhiệm vụ phát sinh trong thực tiễn, Ban tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực phụ trách theo dõi.

CHƯƠNG V TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 37. Trách nhiệm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Tổ đại biểu HĐND tỉnh có thẩm quyền giám sát theo quy định tại Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; tiến hành giám sát theo quy định Điều 83, Điều 86 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức họp, phân công đại biểu trong Tổ nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến, tham gia chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh.

3. Căn cứ Kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND tỉnh, tình hình thực tế tại địa phương; Tổ đại biểu HĐND tỉnh xây dựng và gửi lịch tiếp xúc cử tri của Tổ đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nơi đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri để phối hợp thực hiện; đồng thời gửi đến Thường trực HĐND, Ban Thường trực UBND tỉnh. Phối hợp với Ban Thường trực UBND tỉnh nơi đại biểu tiếp xúc cử tri, Thường trực HĐND, UBND, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa phương để tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh. Theo dõi, đôn đốc, thực hiện giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri và báo cáo kết quả đến Thường trực HĐND tỉnh.

4. Tổ chức đề đại biểu HĐND tỉnh trong Tổ tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân.

Điều 38. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
 - a) Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước HĐND, Thường trực HĐND tỉnh.
 - b) Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ gửi Thường trực Hội đồng nhân dân.
 - c) Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Thường trực HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan.
2. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ khi được Tổ trưởng ủy quyền, phân công.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG

Mục 1
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC
CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 39. Quan hệ công tác với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ

1. Thường trực HĐND tỉnh gửi nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản kỳ họp và báo cáo hoạt động 06 tháng, hàng năm của HĐND tỉnh đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ theo quy định.
2. Thường trực HĐND tỉnh thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội khi thực hiện giám sát trên địa bàn tỉnh và khi có yêu cầu góp ý dự thảo luật, nghị quyết, trao đổi kinh nghiệm hoạt động, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND tại tỉnh.
3. Thành viên Thường trực HĐND tỉnh tham dự các hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan Trung ương khi được mời hoặc theo sự phân công của Chủ tịch HĐND tỉnh.

Điều 40. Quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Giữa hai kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh phối hợp UBND tỉnh chỉ đạo triển khai, thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh đã ban hành; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chuẩn bị tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết và các hồ sơ, tài liệu để trình HĐND tỉnh tại kỳ họp.

2. Thường trực HĐND tỉnh đôn đốc, kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động UBND tỉnh trong tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh.

3. Thường trực HĐND tỉnh phân công các Ban của HĐND tỉnh tham gia phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc chuẩn bị đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết phục vụ các kỳ họp HĐND tỉnh.

4. Chủ tịch HĐND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp; thống nhất chỉ đạo Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và UBND, các Sở, ban, ngành tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, báo cáo hoặc trình HĐND tỉnh xem xét quyết định.

Điều 41. Quan hệ công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh giữ mối quan hệ thường xuyên với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong các hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, xây dựng pháp luật và theo Quy chế phối hợp công tác.

2. Thường trực HĐND tỉnh tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

3. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được mời tham dự các kỳ họp của HĐND tỉnh khi bàn về các vấn đề có liên quan.

4. Thường trực HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

5. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên theo dõi hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh và giúp đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề nghị HĐND tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu; đề nghị bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh theo quy định pháp luật.

7. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh mời đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham gia hoạt động giám sát, khảo sát và một số hoạt động khác của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh khi cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những nội dung quan trọng ở địa phương.

Điều 42. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND tỉnh với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh giữ mối quan hệ thường xuyên với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trong các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, xây dựng pháp luật và theo Quy chế phối hợp công tác.

Điều 43. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND, Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh với Văn phòng Đoàn đại biểu Hội đồng nhân dân và HĐND tỉnh

1. Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh thông qua Chánh Văn phòng. Trong trường hợp Chánh Văn phòng vắng mặt hoặc khi cần thiết thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực giao nhiệm vụ hoặc phân công nhiệm vụ trực tiếp thông qua Phó Chánh Văn phòng được Chánh Văn phòng ủy quyền, sau đó Phó Chánh Văn phòng có trách nhiệm trực tiếp báo cáo với Chánh Văn phòng về việc Chủ tịch, Phó Chủ tịch chỉ đạo, phân công hoặc giao nhiệm vụ cho Văn phòng.

2. Chánh Văn phòng là người phát ngôn của Thường trực HĐND tỉnh; trao đổi, cung cấp thông tin cho báo chí theo thẩm quyền và theo ủy quyền của Chủ tịch HĐND tỉnh.

3. Chánh Văn phòng tham mưu giúp Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh trong công tác theo dõi, chỉ đạo, điều hành chung và truyền đạt ý kiến hoặc ký thông báo kết luận của Thường trực; ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch theo yêu cầu.

4. Định kỳ hoặc đột xuất, Chánh Văn phòng báo cáo với Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch HĐND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, những khó khăn vướng mắc phải có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch hoặc phải có ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Quan hệ công tác với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Các Ban của HĐND tỉnh trong phạm vi lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của HĐND tỉnh; tổ chức thẩm tra Dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công; tổ chức giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền 02 cấp; giám sát văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức khảo sát; báo cáo kết quả hoạt động giám sát với HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh theo quy định.

Ngoài trách nhiệm nêu trên, các Ban của HĐND tỉnh chịu trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ theo pháp luật quy định và được HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh phân công.

2. Chủ tịch HĐND, các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh chỉ đạo, phân công hoặc giao nhiệm vụ cho các Ban của Hội đồng nhân dân thông qua Trưởng ban của

Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp Trưởng ban vắng mặt thì Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh giao nhiệm vụ cho Phó Trưởng ban; Phó Trưởng Ban có trách nhiệm thực hiện và báo cáo kết quả với Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh và báo cáo lại với Trưởng ban.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh phân công công việc liên quan đến lĩnh vực, nội dung của nhiều Ban phụ trách thì Trưởng ban chủ trì chủ động phối hợp và cùng chịu trách nhiệm tập thể trước Thường trực HĐND tỉnh; nếu giữa các Trưởng ban của Hội đồng nhân dân có ý kiến khác nhau thì Trưởng ban chủ trì vẫn giải quyết công việc và báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh quyết định.

4. Trong quá trình thực hiện công tác, do yêu cầu của nhiệm vụ, Chủ tịch HĐND tỉnh có thể ủy quyền cho một Trưởng ban của HĐND tỉnh thực hiện, phụ trách và xử lý một số công việc cụ thể.

5. Trưởng ban của HĐND tỉnh báo cáo với Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch HĐND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Điều 45. Quan hệ công tác của Thường trực HĐND tỉnh với Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án dân sự tỉnh

1. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định tại kỳ họp HĐND tỉnh; giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn tại kỳ họp HĐND tỉnh hay phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh nếu có yêu cầu.

2. Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh khi bàn về vấn đề có liên quan.

3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh chịu sự giám sát của HĐND tỉnh, có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tài liệu và giải trình phục vụ hoạt động giám sát của Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh.

4. Thường trực HĐND tỉnh quan tâm và tạo điều kiện để các cơ quan tư pháp hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, thuận lợi trong tiến trình thực hiện cải cách tư pháp theo yêu cầu của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy.

Điều 46. Quan hệ công tác của Thường trực HĐND tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã

Thường trực HĐND tỉnh giữ mối quan hệ công tác thường xuyên, trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong các hoạt động với Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã. Phối hợp với Thường trực HĐND cấp xã trong tiến hành các hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát trên địa bàn. Thường trực HĐND tỉnh mời

đại diện Thường trực HĐND cấp xã tham dự các kỳ họp HĐND tỉnh, các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn, học tập, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của HĐND.

Mục 2

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 47. Quan hệ phối hợp công tác giữa Ban của Hội đồng nhân dân với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự tỉnh

1. Với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do Ủy ban nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân để tổ chức thẩm tra theo quy định của pháp luật và phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và chính quyền 02 cấp ở địa phương; giám sát văn bản quy phạm pháp luật.

2. Với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự tỉnh

a) Giám sát hoạt động của các cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự tỉnh; Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự tỉnh có trách nhiệm cung cấp tài liệu phục vụ giám sát của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thẩm tra Tờ trình, đề án, báo cáo công tác hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự tỉnh trình kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (nếu có).

3. Với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội

a) Tham gia Đoàn giám sát, khảo sát của các cơ quan Quốc hội tại địa phương (khi được mời).

b) Khi có yêu cầu góp ý dự thảo luật, nghị quyết, trao đổi kinh nghiệm hoạt động, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân theo lĩnh vực của các cơ quan của Quốc hội.

Điều 48. Mối quan hệ giữa Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Trong quá trình giải quyết các công việc theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh, lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu các nội dung lĩnh vực chuyên môn cụ thể và trực tiếp báo cáo HĐND tỉnh để quyết định và ký ban hành; đối với các nội dung, nhiệm vụ tổng hợp chung hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh thì Văn phòng Đoàn ĐBQH và

HĐND tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì tổng hợp chung và tham mưu, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phối hợp với các Trưởng ban của HĐND tỉnh tham mưu Thường trực HĐND tỉnh điều hòa hoạt động của các Ban HĐND tỉnh đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chịu trách nhiệm bố trí số lượng công chức tham mưu, giúp việc, phục vụ các Ban của HĐND tỉnh trên cơ sở số lượng được Thường trực HĐND tỉnh quyết định đảm bảo chuyên môn, năng lực phù hợp theo yêu cầu Đề án vị trí việc làm.

4. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh phối hợp với các Trưởng ban của HĐND tỉnh giữ mối liên hệ công tác với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác liên quan.

5. Trưởng các Ban của HĐND tỉnh và Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chịu trách nhiệm phối hợp hoàn thiện và trình ký Nghị quyết, các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh và các văn bản, nghị quyết của Thường trực HĐND tỉnh.

6. Trưởng các Ban của HĐND tỉnh chủ trì phối hợp với Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổng hợp thông tin về lĩnh vực và tình hình hoạt động của các Ban của HĐND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh. Chánh Văn phòng chủ trì phối hợp các Ban tổng hợp hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh để kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền và đưa lên Cổng thông tin điện tử Đại biểu Nhân dân tỉnh.

Mục 3

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 49. Quan hệ công tác giữa Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Tổ đại biểu HĐND tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả công tác, kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh, tổng hợp kiến nghị của cử tri gửi đến Thường trực HĐND tỉnh để báo cáo kỳ họp và chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 50. Quan hệ công tác của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chính quyền địa phương nơi ứng cử

1. Tổ đại biểu HĐND tỉnh mời đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân của cấp xã thuộc địa bàn ứng cử tham dự các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh để xem xét, trả lời các kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tổ đại biểu HĐND tỉnh mời Thường trực HĐND cấp xã tham gia các hoạt động của Tổ khi tổ chức giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của

cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn hoặc về các vấn đề do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công.

Mục 4

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG

Điều 51. Điều kiện bảo đảm hoạt động

1. HĐND tỉnh ban hành nghị quyết về điều kiện và chế độ đảm bảo hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu với Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh các nội dung tại khoản 1 Điều này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52. Tổ chức thi hành

1. HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, Thường trực HĐND tỉnh tập hợp các kiến nghị, vướng mắc để báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.